

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2018/QĐHNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2018.

V/v: “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Ngọc Đạt - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Châm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 17/2018/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 về yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 10/2018/QĐPH-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1954 (có mặt).

Trú tại: số X, đường T, khu phố Y, phường Z, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đường Thanh H, sinh năm 1954 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đồng Thụy Anh T – Công chức Tư pháp xã T (có mặt).

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Đường Thanh H.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

Căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim A và ông Đường Thanh H tại phiên họp thể hiện: vào năm 1976 bà Kim A có chung sống như vợ chồng với ông Trương Văn N và có với nhau một con chung là bà Trương Kim N, sinh năm 1979; do ông N là bộ đội nên bà và ông N có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hậu Giang (nay là tỉnh Sóc Trăng) nhưng giấy kết hôn đã bị thất lạc. Đến năm 1985, bà và ông N bất đồng quan điểm với nhau nên đã ly thân nhau nhưng cả hai người đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, hiện nay ông N vẫn còn sinh sống tại xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 1997, bà và ông H có chung sống như vợ chồng và đến năm 2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M0 (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre; tuy nhiên, vào thời điểm đó chỉ có ông H đến Ủy ban nhân dân xã T làm thủ tục đăng ký kết hôn chứ bà Kim A không có đến Ủy ban nhân dân xã T; chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị Kim A trong giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T cấp cho ông bà là do ông H tự ký tên và viết họ tên thay cho bà Kim A; khi ông H nộp hồ sơ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T thì ông có nộp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Kim A thể hiện bà Kim A chưa đăng ký kết hôn với ai nên Ủy ban nhân dân xã T mới chấp nhận cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông bà. Thời gian sống chung, bà Kim A và ông H chưa có con chung. Về tài sản chung: bà Kim A và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T là bà Đồng Thụy Anh T tại phiên họp thể hiện: bà Nguyễn Thị Kim A và ông Đường Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 159/KH/2002, quyển số 01 ngày 16/12/2002. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã T không còn hồ sơ lưu trữ các giấy tờ liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa bà Kim A và ông H, Ủy ban nhân dân xã chỉ còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn có ghi tên của bà Kim A và ông H. Trường hợp bà Kim A đã kết hôn với người khác và chưa ly hôn mà lại tiến hành đăng ký kết hôn với ông H là vi phạm Luật Hôn nhân gia đình nên việc kết hôn này là trái pháp luật.

Căn cứ vào “Xác nhận sổ lưu hộ tịch” đề ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có nội dung: “Sổ lưu cấp giấy kết hôn năm 1977 của UBND xã T hiện không còn lưu tại xã và Phòng Tư pháp huyện (đã thất lạc)”. Đồng thời, căn cứ vào “Xác nhận” đề ngày 09/01/2018 của ông Trần Huy L là Trưởng ban nhân dân ấp X và Ủy ban nhân dân xã T đã xác định: từ năm 1976 đến năm 1985 bà Nguyễn Thị Kim A có sống chung như vợ chồng với ông Trương Văn N tại ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, theo “Giấy khai sinh” của bà Trương Kim N (sinh năm 1979) thể hiện tên cha là ông Trương Văn N và mẹ là bà Nguyễn Thị Kim A.

Mặt khác, căn cứ vào khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định

của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ““Người đang có vợ hoặc có chồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình là người thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người đã kết hôn với người khác theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết; b) Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03-01-1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết”. Theo bà Kim A trình bày: bà và ông N đã chung sống như vợ chồng từ năm 1976, và có với nhau một con chung là bà Trương Kim N, sinh năm 1979. Do đó, có căn cứ xác định: trước khi bà Kim A kết hôn với ông H thì bà đã xác lập quan hệ vợ chồng với ông N trước ngày 03-01-1987 nhưng bà và ông N chưa ly hôn nên việc bà Kim A kết hôn với ông H là vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những căn cứ trên, xét thấy bà Kim A yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông H là có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành pháp luật tốt.

- Về nội dung: đề nghị Tòa án áp dụng Điều 5, 8, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà và ông Đường Thanh H. Về con chung: không có nên không đề cập. Về tài sản chung: bà Kim A và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Kim A phải nộp lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, 8, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ Tư pháp; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim A về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Đường Thanh H.

Hủy “Giấy chứng nhận kết hôn” số 159/KH/2002, quyển số 01 ngày 16/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M0 (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A và ông Đường Thanh H.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình: bà Nguyễn Thị Kim A phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 000xxxx ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên bà không còn phải nộp thêm.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc hôn nhân gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt